

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**NGÀNH/NGHỀ: TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI**

**MÃ NGÀNH/NGHỀ: 5220216**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG** (hệ tốt nghiệp THPT)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8.. năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

**NĂM 2024**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Ngành, nghề:** TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI

**Mã ngành, nghề:** 6220216

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

**Thời gian khóa học:** 3,0 năm

## 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Chương trình ngành Tiếng Anh thương mại đào tạo cử nhân (trình độ cao đẳng) có kiến thức và kỹ năng chuyên môn, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt để làm việc hiệu quả trong môi trường kinh doanh quốc tế hoặc ở các lĩnh vực, ngành, nghề khác đòi hỏi người lao động phải có trình độ sử dụng tiếng Anh thành thạo. Chương trình này tập trung vào việc phát triển năng lực Tiếng Anh toàn diện, góp phần nâng cao hiệu suất công việc trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại và kinh doanh quốc tế.

Chương trình tiếng Anh thương mại (trình độ cao đẳng) được thiết kế phù hợp với nhu cầu cụ thể của sinh viên và doanh nghiệp, đảm bảo sinh viên vận dụng được những kiến thức và kỹ năng đã học vào môi trường làm việc thực tế.

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Tiếng Anh thương mại (trình độ cao đẳng) đạt được năng lực chuyên môn và thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ tiếng Anh, có đủ điều kiện làm việc cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và tài chính trong nước hoặc quốc tế, các cơ quan hay các văn phòng đại diện, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng cũng đảm nhận được công tác giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục sau khi đã bổ sung kiến thức và kỹ năng sư phạm.

## 2. Mục tiêu đào tạo

### 2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân Tiếng Anh thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng Tiếng Anh, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại, kinh tế và kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế

### 2.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh thương mại nhằm trang bị cho người học:

#### 2.2.1 Kiến thức:

- *Kiến thức chung:* hiểu được những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có hiểu biết về các nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức cơ bản

trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn, làm nền tảng tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- *Kiến thức chuyên ngành*: có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các cấp độ và bình diện của Tiếng Anh như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, văn hóa – văn học của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ; kiến thức chuyên ngành nền tảng và nâng cao về thương mại (kinh tế, thương mại quốc tế, tài chính, kế toán, giao tiếp kinh doanh, thu tín, hợp đồng, ...) để ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập quốc tế.

#### 2.2.2 Kỹ năng:

Người học sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng căn bản của ngành Tiếng Anh và các kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành Tiếng Anh thương mại bao gồm:

- + Kỹ năng Tiếng Anh (Nghe-Nói-Đọc-Viết) tương đương với Bậc 4 (Cấp độ B2) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc các khung tham chiếu tương đương.
- + Có khả năng sử dụng tốt Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế-thương mại.
- + Có khả năng dịch thuật văn bản, tài liệu phục vụ quản lý, kinh doanh và thực hành các kỹ năng biên-phiên dịch trong lĩnh vực kinh tế-thương mại.
- + Các kỹ năng lập luận, phản biện, nghiên cứu tính toán và phân tích dữ liệu, xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề phức tạp khi tác nghiệp trong các hoạt động kinh doanh và giao tiếp quốc tế có sử dụng Tiếng Anh.
- + Có khả năng diễn thuyết, thuyết trình trước đám đông, tổ chức và làm việc theo nhóm hiệu quả.
- + Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học về các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.
- + Kỹ năng Tiếng Pháp giao tiếp cơ bản (tự học).
- + Kỹ năng tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định của Hiệu Trưởng nhà trường.

#### 2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chương trình đào tạo hướng đến việc giáo dục cho người học:

- + Có phẩm chất đạo đức tốt;
- + Có thái độ làm việc đúng mực, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tôn trọng nội quy nơi làm việc;
- + Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo;
- + Nắm vững và có khả năng chủ động cập nhật, vận dụng các kiến thức và quy định pháp luật liên quan để giải quyết công việc theo chức trách được giao;
- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; làm việc có trách nhiệm, quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Tiếng Anh thương mại có thể đảm nhận các vị trí việc làm tại các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các văn phòng đại diện, các tổ chức quốc tế, các tổ chức kinh tế và tài chính trong nước, khu vực, và quốc tế thuộc các ngành nghề sau:

- + Ngành xuất nhập khẩu: chuyên viên, tư vấn, biên - phiên dịch viên, trợ lý giám đốc
- + Tài chính, ngân hàng, kiểm toán, kinh doanh, marketing, bất động sản, truyền thông, truyền hình, hàng không, quản lý dự án, nghiên cứu, tư vấn chính sách, ...
- + Ngành giáo dục: trợ lý giảng viên đại học/cao đẳng, chuyên viên, tư vấn, ...

#### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **1.920/80** (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học: **36** (không kể học phần Công tác xã hội)
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435/19** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: **1.485/61** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: **525/35** (giờ/tín chỉ); thực hành, thực tập: **960/26** (giờ/tín chỉ)

#### 5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

T	Mã năng lực	Tên năng lực
<b>I</b>	<b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>	
1	<b>NLCB-01</b>	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	<b>NLCB-02</b>	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	<b>NLCB-03</b>	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	<b>NLCB-04</b>	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	<b>NLCB-05</b>	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	<b>NLCB-06</b>	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
<b>II</b>	<b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>	

1	NLCL-01	Năng lực về kỹ thuật (Competence for technoware): Nắm vững kiến thức cơ sở của ngành Tiếng Anh Thương Mại. Đạt trình độ tiếng Anh năng lực B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR), có năng lực biểu đạt ngôn ngữ ở cấp độ trung cấp, có kiến thức về văn hóa Anh-Mỹ, có kỹ năng biên phiên dịch, có thể làm việc ở các doanh nghiệp trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh.
2	NLCL-02	Năng lực về kỹ thuật (Competence for technoware): Ứng dụng tiếng Anh vào các chuyên ngành: Nắm bắt toàn diện kiến thức cơ bản về Ngôn ngữ học tiếng Anh (âm vị, ngữ âm, các nguyên tắc phát âm cơ bản, hình vị, cú pháp), từ nền tảng tiếng Anh cơ sở có thể ứng dụng vào chuyên ngành thương mại, biên-phiên dịch.
3	NLCL-03	Năng lực về kỹ thuật (Competence for technoware): Ứng dụng tiếng Anh vào chuyên ngành Logistics và Supply Chain, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, và kỹ năng giao tiếp chuyên ngành. Người học sẽ hiểu và sử dụng thuật ngữ, cụm từ, và ngôn ngữ chuyên môn liên quan đến Logistics, bao gồm quy trình vận chuyển, quản lý kho, và quản lý chuỗi cung ứng.
4	NLCL-04	Năng lực về kỹ thuật (Competence for technoware): Phát triển và cải thiện kỹ năng tiếng Anh trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, bao gồm năng lực đọc hiểu các văn bản về nền kinh tế và thế giới tài chính bằng Tiếng Anh, đồng thời phát triển khả năng so sánh các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng; khả năng liên hệ công việc văn phòng trong môn học này với công việc hàng ngày trong tương lai của người học; sử dụng thành thạo từ vựng liên quan; hiểu về các ngân hàng quốc gia và trung ương cũng như các quy định về ngân hàng trong lĩnh vực thương mại.
5	NLCL-05	Năng lực về kỹ thuật (Competence for technoware): Phát triển và cải thiện kỹ năng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch – khách sạn, người học có khả năng hiểu và sử dụng thuật ngữ, cụm từ, và ngôn ngữ chuyên môn liên quan đến du lịch và ngành khách sạn, bao gồm các khái niệm về đặt phòng, dịch vụ lưu trú, và quản lý cơ sở lưu trú. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và phục vụ khách hàng trong một môi trường du lịch và khách sạn, bao gồm việc đối phó với các tình huống khách hàng khác nhau và giải quyết vấn đề.
6	NLCL-06	Năng lực về kỹ thuật (Competence for technoware): Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh: Năng lực giao tiếp khẩu ngữ và văn bản với đồng nghiệp, khách hàng và các bên liên quan bằng tiếng Anh.

7	NLCL-07	Năng lực về thông tin (Competence for inforware): Diễn thuyết trước công chúng: Năng lực truyền tải thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, tác động vào tình cảm của người nghe, từ đó có sự định hướng hành động.
8	NLCL-08	Năng lực về thông tin (Competence for inforware): Năng lực trao đổi thông tin hiệu quả: Năng lực truyền đạt nội dung hiệu quả cao trong hoạt động biên phiên dịch.
9	NLCL-09	Năng lực về thông tin (Competence for inforware): Năng lực đàm phán: Năng lực giải quyết xung đột, đạt được thỏa thuận thông qua thương lượng và đối thoại.
10	NLCL-10	Năng lực về tổ chức (Competence for orgaware): Nắm bắt hệ thống chính trị, kinh tế các nước Anh-Mỹ: Được trang bị các kiến thức về hệ thống chính trị, đời sống, kinh tế của các nước Anh-Mỹ, so sánh với tình hình của Việt Nam. Đây là những kiến thức vĩ mô ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình công tác của sinh viên sau khi tốt nghiệp dù làm việc trong cơ quan nhà nước hay doanh nghiệp.
11	NLCL-11	Năng lực về tổ chức (Competence for orgaware): Nắm bắt kiến thức về doanh nghiệp, tổ chức: Được trang bị các kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, quản lý của một số loại hình doanh nghiệp, cũng như sự tương tác giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp và với cơ quan nhà nước, giúp sinh viên bồi dưỡng nên tác phong nghề nghiệp khi làm việc trong doanh nghiệp và khi giao tiếp với các cơ quan ban ngành.
12	NLCL-12	Năng lực về quản lý (Leadership competence): Nắm bắt kiến thức về quản lý các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh thương mại; Được trang bị các kiến thức cơ bản về quản lý nhân sự, quản lý chuyên sản xuất, quản lý đảm bảo chất lượng, quản lý công tác kế toán, tài chính, quản lý các mối liên hệ kết nối với khách hàng giúp sinh viên bồi dưỡng các nghiệp vụ cơ bản, làm quen với các hoạt động trong các cơ sở kinh doanh thương mại.
13	NLCL-13	Năng lực về quản lý (Leadership competence): Nắm bắt kiến thức về quản lý các vấn đề liên quan đến quản trị nguồn nhân lực; khả năng trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực để đạt được các mục tiêu chiến lược và hoạt động của doanh nghiệp. Năng lực quản trị nguồn nhân lực không chỉ đòi hỏi các kỹ năng chuyên môn mà còn cần sự hiểu biết sâu rộng về tổ chức và con người, khả năng tư duy chiến lược và kỹ năng giao tiếp xuất sắc.
<b>III</b>	<b>Năng lực nâng cao</b>	

1	<b>NLNC-01</b>	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp.
2	<b>NLNC-02</b>	Năng lực tổng quát (General competence): Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (cụ thể, đạt chuẩn Tiếng Anh tương đương chuẩn B1 – Khung tham chiếu Châu Âu CEFR); ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn.
3	<b>NLNC-03</b>	Năng lực về con người (Competence for humanware): Năng lực làm việc theo nhóm trong nghề nghiệp: Có khả năng giao tiếp tốt bằng văn bản, có kỹ năng trao đổi, thuyết trình trước đám đông, có khả năng truyền đạt thông tin rõ ràng, thuyết phục, tinh tế trong từng hoàn cảnh. Có đạo đức nghề nghiệp; có năng lực hình thành và quản lý nhóm, phối hợp các thành viên trong nhóm hiệu quả; có khả năng làm việc trong các nhóm khác nhau.
4	<b>NLNC-04</b>	Năng lực cá nhân (Individual competence): Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp
5	<b>NLNC-05</b>	Năng lực giao tiếp chuyên nghiệp (Professional Communication competence): Sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả trong các tình huống kinh doanh như đàm phán, thuyết trình, và viết báo cáo. Hiểu và sử dụng ngôn ngữ cơ thể, giọng điệu và cách diễn đạt phù hợp với văn hóa kinh doanh quốc tế.
6	<b>NLNC-06</b>	Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông (Competence for Information Technology and Communication): Sử dụng các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông để tăng cường hiệu quả làm việc. Đồng thời, sử dụng các phần mềm và nền tảng công nghệ để quản lý thông tin và thực hiện các chiến lược kinh doanh để thành công trong sự nghiệp thương mại toàn cầu.
<b>IV</b>	<b>Năng lực bổ trợ</b>	
1	<b>NLBT-01</b>	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;

2	<b>NLBT-02</b>	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
3	<b>NLBT-03</b>	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

#### 6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC114	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên ngành</b>	<b>61</b>	<b>1485</b>	<b>477</b>	<b>907</b>	<b>101</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>22</b>	<b>450</b>	<b>188</b>	<b>240</b>	<b>22</b>
CAT301	Ngữ âm thực hành (Pronunciation Practice)	2	45	13	30	2
CAT102	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản (Basic Grammar)	2	45	13	30	2
CAT302	Kỹ năng Nghe (Listening)	2	30	28	0	2
CAT201	Kỹ năng Nói (Speaking)	2	45	13	30	2
CAT303	Kỹ năng Đọc (Reading)	2	30	28	0	2
CAT304	Kỹ năng Viết (Writing)	2	30	28	0	2
CAT305	Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao (Advanced Grammar)	2	45	13	30	2



CAT306	Kỹ năng Nghe TATM (Business Listening)	2	45	13	30	2
CAT307	Kỹ năng Nói TATM (Business Speaking)	2	45	13	30	2
CAT401	Kỹ năng Đọc TATM (Business Reading)	2	45	13	30	2
CAT402	Kỹ năng Viết TATM (Business Writing)	2	45	13	30	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>21</b>	<b>405</b>	<b>205</b>	<b>178</b>	<b>22</b>
CAT409	Từ vựng (Vocabulary)	2	30	28	0	2
CAT404	Ngữ nghĩa-Ngữ dụng học (Semantics - Pragmatics)	2	30	28	0	2
CAT405	Lý thuyết dịch (The Theory of Translation)	2	30	28	0	2
CAT406	Biên dịch thương mại (Business Translation)	2	45	13	30	2
CAT407	Phiên dịch thương mại (Business Interpretation)	2	45	13	30	2
CAT508	Văn hóa Anh (British Culture)	2	30	28	0	2
CAT601	Văn hóa Mỹ (American Culture)	2	30	28	0	2
CAT510	Kỹ năng thuyết trình và diễn thuyết trước công chúng (Presentation skills and Public Speaking)	2	45	13	30	2
CAT604	Truyền thông chuyên nghiệp (Professional Communication)	1	30	0	28	2
CAT502	Tiếng Anh Du lịch-Khách sạn (English for Tourism - Hospitality)	2	45	13	30	2
CAT503	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (English for Logistics)	2	45	13	30	2
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn (Chọn 3 trong 6 môn)</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>84</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
CAT504	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	2	30	28	0	2

	(English for Finance - Banking)					
CAT507	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị (English for Business Administration)	2	30	28	0	2
CAT509	Quản trị nguồn nhân lực_TATM (Human Resource Management_ Business English)	2	30	28	0	2
CAT505	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (English for Accounting)	2	30	28	0	2
CAT506	Tiếng Anh chuyên ngành Luật (English for Law)	2	30	28	0	2
CAT408	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (Intercultural Business Communication)	2	30	28	0	2
<b>II.4</b>	<b>Thực tập</b>	<b>12</b>	<b>540</b>	<b>0</b>	<b>489</b>	<b>51</b>
CAT602	Thực tập doanh nghiệp 1 (Practicum 1)	3	135	0	112	23
CAT603	Thực tập doanh nghiệp 2 (Practicum 2)	4	180	0	152	28
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Practicum )	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>1920</b>	<b>634</b>	<b>1162</b>	<b>124</b>

**7. Kế hoạch giảng dạy:**

**Học kỳ 1:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	THI KT
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CMC112	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
2	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
2	CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
4	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
5	CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
		Không có					
<b>Tổng cộng</b>			<b>13</b>	<b>255</b>	<b>110</b>	<b>132</b>	<b>13</b>

**Học kỳ 2:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	THI KT
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
3	CAT301	Ngữ âm thực hành (Pronunciation Practice)	2	45	13	30	2
4	CAT302	Ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản (Basic Grammar)	2	45	13	30	2
5	CAT201	Kỹ năng Nghe (Listening)	2	30	28	0	2
6	CAT301	Kỹ năng Nói (Speaking)	2	45	13	30	2
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
		Không có					
<b>Tổng cộng</b>			<b>14</b>	<b>345</b>	<b>114</b>	<b>213</b>	<b>18</b>

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	THI KT
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CAT305	Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao (Advanced Grammar)	2	45	13	30	2
2	CAT303	Kỹ năng Đọc (Reading)	2	30	28	0	2
3	CAT304	Kỹ năng Viết (Writing)	2	30	28	0	2
4	CAT306	Kỹ năng Nghe TATM (Business Listening)	2	45	13	30	2
5	CAT307	Kỹ năng Nói TATM (Business Speaking)	2	45	13	30	2
6	CAT401	Kỹ năng Đọc TATM (Business Reading)	2	45	13	30	2
7	CAT402	Kỹ năng Viết TATM (Business Writing)	2	45	13	30	2
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
		Không có					
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>285</b>	<b>121</b>	<b>150</b>	<b>14</b>

**Học kỳ 4:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	THI KT
		<b>Môn học bắt buộc</b>					
1	CAT409	Từ vựng (Vocabulary)	2	30	28	0	2
2	CAT404	Ngữ nghĩa-Ngữ dụng học (Semantics & Pragmatics)	2	30	28	0	2
3	CAT405	Lý thuyết dịch (The Theory of Translation)	2	30	28	0	2
4	CAT406	Biên dịch thương mại (Business Translation)	2	45	13	30	2
5	CAT407	Phiên dịch thương mại (Business Interpretation)	2	45	13	30	2
6	CAT508	Văn hóa Anh (British Culture)	2	30	28	0	2
7	CAT601	Văn hóa Mỹ (American Culture)	2	30	28	0	2
		<b>Môn học tự chọn (Không có)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>240</b>	<b>166</b>	<b>60</b>	<b>14</b>

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	THI KT
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>6</b>	<b>135</b>	<b>39</b>	<b>90</b>	<b>6</b>
1	CAT503	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics (English for Logistics)	2	45	13	30	2
2	CAT502	Tiếng Anh Du lịch-Khách sạn (English for Tourism & Hospitality)	2	45	13	30	2
3	CAT510	Kỹ năng thuyết trình & diễn thuyết trước công chúng (Presentation skills & Public Speaking)	2	45	13	30	2
		<b>Môn học tự chọn (Chọn 3 trong 6 môn)</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>78</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
4	CAT504	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng (English for Finance & Banking)	2	30	28	0	2
5	CAT507	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị (English for Business Administration)	2	30	28	0	2
6	CAT509	Quản trị nguồn nhân lực_TATM (Human Resource Management_Business English)	2	30	28	0	2
7	CAT505	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán (English for Accounting)	2	30	28	0	2
8	CAT506	Tiếng Anh chuyên ngành Luật (English for Laws)	2	30	28	0	2
9	CAT408	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (Intercultural Business Communication)	2	30	28	0	2
		<b>Thực tập</b>	<b>3</b>	<b>135</b>	<b>0</b>	<b>112</b>	<b>23</b>
10	CAT602	Thực tập doanh nghiệp 1 (Practicum 1)	3	135	0	112	23
<b>Tổng cộng</b>			<b>15</b>	<b>345</b>	<b>128</b>	<b>180</b>	<b>37</b>

**Học kỳ 6:**

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	THI KT
		<b>Môn học bắt buộc</b>	<b>1</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>2</b>
1	CAT604	Professional Communication (Truyền thông chuyên nghiệp)	1	30	0	28	2
		<b>Thực tập</b>	<b>9</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	<b>377</b>	<b>28</b>
2	CAT603	Thực tập doanh nghiệp 2 (Practicum 2)	4	180	0	152	28
3	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Practicum )	5	225	0	225	0
		<b>Môn học tự chọn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
		Không có					
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>435</b>	<b>0</b>	<b>405</b>	<b>30</b>

**8. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình

môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh thương mại trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.



+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%.

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm được thiết kế thêm trong chương trình đào tạo ngành nhằm giúp phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian và lãnh đạo, là những kỹ năng cần thiết cho sự thành công trong sự nghiệp. Đồng thời, các hoạt động trải nghiệm giúp sinh viên rèn luyện tư duy sáng tạo, phân biện và khả năng đưa ra quyết định trong các tình huống thực tế. Ngoài ra, tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp. Thêm vào đó, tổ chức các chuyến tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng

xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Cử nhân thực hành

## 9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thành Long**